

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT

Ngày 10 - 9 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLPT- DS ngày 10/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị đơn kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXPT- DS ngày 30/12 /2020 và Quyết định số 172/2020/QĐ-PT ngày 21/7/2020 về tiếp tục giải quyết vụ án giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan P

Địa chỉ: Tổ 14, phường P (nay là phường L), thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thanh H

Địa chỉ: Số nhà 386, đường K, phường P (nay là phường L) thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trịnh Cẩm B là Luật sư - Công ty luật B thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: P301, số 5, phố B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

- Anh Phạm Tuấn A - Địa chỉ: Số nhà 386, đường K, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Bà Phan Thị L - Địa chỉ: Số nhà 70D, khu biệt thự V, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. (*Tạm trú tại: Số 05 C7 Nguyễn Công T, quận H, thành phố Hà Nội*). Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

Do có quen biết với nhau nên từ năm 2015 đến năm 2016 bà Nguyễn Thị Lan P có cho bà Vũ Thanh H vay tổng số tiền là: 3.700.000.000đồng (*Ba tỷ bảy trăm triệu đồng*). Cụ thể các lần vay là:

- Ngày 30/2/2015 tức là ngày 18/4/2015 (dương lịch) vay số tiền 300.000.000đồng, thời hạn vay là 01 năm;

- Ngày 12/6/2015 tức là ngày 27/7/2015 (dương lịch) vay số tiền là 800.000.000đồng, thời hạn vay là 01 năm;

- Ngày 16/9/2015 tức là ngày 28/10/2015 (dương lịch) vay số tiền 350.000.000đồng thời hạn là 01 năm 06 tháng.

- Ngày 25/2/2016 tức là ngày 02/4/2016 (dương lịch) vay số tiền 750.000.000đồng, thời hạn vay là 01 năm;

- Ngày 29/3/2016 tức là ngày 05/5/2016 (dương lịch) vay số tiền 1.500.000.000 đồng thời hạn vay là 06 tháng.

Tất cả các khoản vay trên hai đều làm giấy vay tiền, lãi suất theo thỏa thuận đều là 1%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay. Tính đến ngày 15/7/2016 tức ngày 17/8/2016 (dương lịch) bà H đã trả được cho bà P 315.000.000đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ là 3.385.000.000đồng (*Ba tỷ ba trăm tám mươi năm triệu đồng*). Bà P đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán số tiền gốc và lãi của khoản vay trên nhưng bà H không trả. Vì vậy, bà P làm đơn khởi kiện buộc bà H phải trả cho tôi số tiền gốc là 3.385.000.000đồng và lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/11/2019 là 26 tháng 20 ngày là 902.667.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 07/11/2019 là: 4.287.667.000đồng (*Bốn tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Bị đơn bà Vũ Thanh H trình bày:

Bà H xác nhận có vay tiền của bà P nhiều lần nhưng tính đến ngày 17/4/2019 dương lịch chỉ còn nợ bà P tổng số tiền gốc là 1.750.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*), còn số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) là bà P đưa cho người tên L ở Hà Nội vay cùng cầm xe ô

tô, chứ bà H không được cầm tiền này (trong đó 1.000.000.000 đồng đưa ở trên Tòa án thành phố, 350.000.000 đồng bà P lấy trước tiền phí dịch vụ và 150.000.000 đồng bà P đưa cho bà L tại nhà bà H). Khi vay giữa bà H và bà P thỏa thuận lãi suất là 1000đồng/triệu/ngày, trả lãi vào ngày 15 âm lịch và ngày 30 âm lịch, tiền lãi có lúc con trai bà H là anh Phạm Tuấn A mang sang nhà bà P trả, có hôm thì bà H trực tiếp trả cho bà P. Khi vay tiền thì bà H đều ghi chép lại trong sổ. Đến khoảng hơn một năm nay do bị vỡ nợ nên bà H không có tiền trả lãi cho bà P nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thì bà H không nhất trí, vì đến nay chỉ còn nợ số tiền 1.750.000.000 đồng, đề nghị bà Phường trừ 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) vào tiền gốc đã trả, không nhất trí lãi suất bà P yêu cầu phải trả là 1%/tháng.

Bản án sơ thẩm số: 28/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan P. Buộc bà Vũ Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Lan P tổng số tiền vay là: 4.287.667.000đồng (*Bốn tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó số tiền gốc là: 3.385.000.000đồng, tiền lãi là: 902.667.000đồng.

Bà Vũ Thanh H phải chịu 112.287.667đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Lan P không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.031.000 đồng theo biên lai số: AB/2012/0006011 ngày 10/5/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyền yêu cầu thi hành án, lãi xuất chậm thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 20/11/2019 bị đơn bà Vũ Thanh H kháng cáo đề nghị hủy bản số 28/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, lý do: Số tiền nợ 1.500.000.000đồng bà H chỉ ký hộ giấy vay cho bà L và Tòa án cấp sơ thẩm chưa trừ số tiền gốc vay mà bà H đã trả là 500.000.000đồng. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như không đưa bà Phan Thị L vào tham gia tố tụng và để cán bộ thư ký phiên tòa đi nộp án phí thay nguyên đơn là vi phạm tố tụng, vi phạm lãi xuất vay (cho vay nặng lãi).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Vũ Thanh H, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trịnh Cẩm B giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực

hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố L. Tuyên tiếp tục duy trì quyết định phong tỏa tài sản của bà Vũ Thanh H theo Quyết định số 45/QĐ-ADBPCKTT ngày 06/3/2020 để đảm bảo thi hành của người có nghĩa vụ và thực hiện nghĩa vụ đảm bảo của người đề nghị áp dụng phong tỏa tài sản theo quy định, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Vũ Thanh H nộp ngày 20/11/2019 có đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và nộp trong hạn luật định hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Theo Đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Lan P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đòi số tiền cho vay thông qua hợp đồng là các giấy viết ký nhận tiền với bà Vũ Thanh H. Các giấy vay tiền các bên xác lập thông qua thỏa thuận vẫn trong thời hiệu thực hiện. Phần tiền lãi và cả tiền gốc kéo dài cho đến thời điểm khởi kiện, bị đơn thừa nhận dùng trả lãi khoảng tháng 8/2017. Tòa án sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thụ lý và xét xử là đúng thời hiệu, quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét tính hợp pháp của các giấy vay tiền liên quan kháng cáo của bị đơn:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ mà các bên đương sự cung cấp thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Lan P do có quen biết bà Vũ Thanh H nên từ năm 2015 đến năm 2016 có cho bà H vay, tổng số tiền theo các giấy ký nhận nợ cộng lại còn nợ là: 3.700.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều do hai bên thỏa thuận tự nguyện và ký nhận tiền vay, việc vay mượn không có sự đe dọa, ép buộc hay lừa dối, các giấy ký vay các bên đã giao nộp trong hồ sơ của Tòa án, được đối chiếu chất phần nội dung vay nợ, thể hiện rõ ý chí, sự thỏa thuận là có căn cứ chứng minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm ngày 27/02/2020 và phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Vũ Thanh H thừa nhận giữa bà và bà Nguyễn Thị Lan P có 05 lần được hai bên ký giấy vay, nhận tiền (ở 04 tờ giấy biên nhận), trong đó có 04 lần phía bà H công nhận là được nhận tiền từ tay bà P, tính đến ngày bà P khởi kiện tại Tòa án, trừ tiền đã trả bà chỉ còn nợ bà P là 1.750.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền 1.500.000.000 đồng vay ngày 05/5/2016 (tức 29/3/2016) là bà P đưa cho bà L ở Hà Nội vay như bà đã trình bày.

Như vậy các giấy vay có số tiền gốc là 1.750.000.000 đồng các bên đều có sự tự nguyện, thông qua thỏa thuận của 04 giấy biên nhận đã được các bên thực hiện hợp pháp, do bên vay chưa trả như thỏa thuận nên vẫn đang có hiệu lực theo quy định tại Điều 129, 463 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “*được coi là tình tiết rõ ràng, các bên đương sự biết không bên nào phản đối*”, do vậy đây là những tình tiết, tài liệu chứng cứ các bên không phải chứng minh. Nguyên đơn bà P yêu cầu bị đơn bà H tiếp tục thực hiện tương ứng từ thời gian ngừng trả với số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về số tiền 1.500.000.000đồng; lãi suất vay và số tiền 500.000.000đ bị đơn cho rằng đã trả nhưng chưa được trừ;

[4.1] Đối với số tiền vay 1.500.000.000 đồng:

Tại phiên tòa ngày 27/02/2020 người làm chứng bà Phan Thị L có mặt nộp chứng cứ là: Hợp đồng mua bán hàng hóa và các giấy xác nhận nợ giữa Công ty cổ phần N và Công ty A trong giao dịch mua bán gạo và cho rằng do nợ tiền buôn bán với Công ty N nên ngày 29/3/2016 qua bà H giới thiệu, bà P có cho bà L vay 1.500.000.000đồng, bà H ký hộ giấy vay cho bà L. Ngoài ra bà L và bà H không có tài liệu gì khác có căn cứ làm thay đổi nội dung yêu cầu của bà H, về việc bà chỉ ký hộ giấy vay chứ không nhận tiền của bà P.

Qua các tài liệu giao nộp tại phiên tòa mà các bên đã đưa ra, xét thấy không có chứng cứ nào chứng minh khi bà P giao tiền có mặt bà L, không có xác nhận chứng cứ, chứng minh sự can thiệp nhận nợ hộ của bà H cho bà L, không có sự ảnh hưởng liên quan của bà P trong vụ việc giải quyết công nợ giữa hai công ty với việc cho bà H vay tiền. Các tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp liên quan đến việc giải quyết vụ án giữa Công ty N và Công ty A không có căn cứ nào cho thấy có sự can thiệp đứng ra đảm bảo nợ hộ của bà H cho bà L thông qua số tiền của bà P. Tại các bút lục 24, 36, 37, 51, 52 trong hồ sơ vụ án thì bà H đều thừa nhận bà P không biết bà L, ý kiến này phù hợp như ý kiến của bà L tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm ngày 27/02/2020: “*bà L thừa nhận không biết bà P và chẳng thấy bà P liên hệ cho bà bao giờ, kể cả khi bà H ký giấy đã nhận 1.500.000.000đồng*”. Điều này phù hợp với lời khai người làm chứng anh Phạm Tuấn A và bà H về việc trả tiền lãi cho bà P có lúc do bà trực tiếp trả, có lúc nhờ con trai là anh Phạm Tuấn A trả, trong đó có cả khoản tiền lãi của số tiền 1.500.000.000 đồng.

Bà H cho rằng có nhân chứng là ông T - trú quán ở thành phố Lao Cai biết việc bà P cho bà L vay số tiền 1.500.000.000đồng và việc bà H ký Giấy vay tiền là vay hộ nhưng ở cả hai cấp xét xử bà vẫn không cung cấp được ý kiến xác nhận của anh T về việc này. Số tiền 1.500.000.000 đồng là số tiền rất lớn, nếu bà H không ký giấy, nhận tiền vay thì bà P không thể giao số tiền lớn như vậy cho người thứ ba được. Mặt khác lúc ký Giấy vay tiền bà H hoàn toàn có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ai đe dọa hay ép buộc, hơn nữa nếu chỉ là ký hộ bà L thì việc bà H đứng ra trả lãi thay cả cho bà L là không hợp lý. Trong khi bà P không có quan hệ quen biết bà L, không biết bà L ở đâu, không có tài sản để đảm bảo cho số tiền vay là 1.500.000.000đ.

Từ đánh giá phân tích trên thấy rằng bà Phan Thị L không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án. Việc bà L không quen bà P, không có địa chỉ và nơi ở ổn định, lại tự đứng về phía bị đơn nhận khoản nợ thay bà H là không có sự vô tư, khách quan mà nhận chỉ để nhằm chối bỏ trách nhiệm trả nợ của bà H, cho đến nay cũng không có căn cứ gì chứng minh việc bà P cho bà L vay nhận tiền. Do đó, Tòa án sơ thẩm không đưa bà Phan Thị L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, nội dung kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thanh H là không có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc bà H phải có trách nhiệm trả số tiền gốc, tiền lãi đã vay là phù hợp với các chứng cứ do các đương sự cung cấp và các quy định của pháp luật.

[4.2] Đối với số tiền 500.000.000đồng bà H cho rằng đã trả nhưng bà P không trừ đi:

Qua lời trình bày và các tài liệu trong hồ sơ vụ án thấy rằng bà P xác nhận việc bà H đã trả số tiền 520.000.000đồng (trong đó số tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi các lần vay cộng lại là 20.000.000đồng).

Ngày 26/02/2020 bà P xuất trình bổ sung giấy vay tiền do bà H ký vay ngày 13/10/2015 là khoản vay độc lập 500.000.000đồng đã thanh toán không nằm trong khoản tiền bà khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày 27/02/2020 bà H thừa nhận chữ ký trên giấy vay nhưng cho rằng chữ viết và chữ ký của bà H trong giấy vay tiền ngày 13/10/2015 là không cùng thời điểm viết và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành trưng cầu giám định tuổi mực giữa chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà H. Tại thông báo số 44/TB-TCGD ngày 23/3/2020 Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã từ chối giám định, trả lại tài liệu cho cơ quan trưng cầu. Ngày 25/3/2020 bà H nhận được thông báo của Tòa án về kết quả từ chối giám định, bà đề nghị Tòa án trưng cầu Trung tâm tư vấn, giám định dân sự thuộc liên đoàn hội khoa học kỹ thuật Việt Nam giám định. Do đề nghị thiếu căn cứ về thẩm quyền giám định nên Tòa án đã có Thông báo số 95/QĐ ngày 27/3/2020 từ chối trưng cầu giám định và ấn định thời gian yêu cầu bà H tự trưng cầu giám định, ấn định hạn nộp kết quả giám định. Tuy nhiên khi đến hạn bà lại tiếp tục đề nghị trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công An thành phố Hà Nội giám định. Tại phiên tòa ngày 20/5/2020, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn, Tòa án cung cấp tài liệu gốc là các giấy vay tiền để bị đơn thực hiện việc trưng cầu giám định. Ngày 21/7/2020, Tòa án nhận được Thông báo kết quả giám định số 144/TB-PC09-D4 ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội do người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn (bà Trịnh Cẩm B) gửi đến. Nội dung xác định “*chữ ký, chữ viết dòng họ tên Vũ Thanh H dưới chữ ký là các giấy vay tiền do cùng một người ký và viết ra; Chữ viết nội dung các giấy vay tiền là do cùng một người viết ra; cơ quan giám định không xác định được chữ ký và chữ viết phần nội dung viết có được viết cùng một thời điểm hay không*”.

Như vậy kết quả giám định là phù hợp lời khai của các bên đương sự, Bà Nguyễn Thị Lan P thừa nhận nội dung các giấy vay do bà viết, bà Vũ Thanh H thừa nhận là người ký các giấy vay tiền. Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự không giao nộp tài liệu chứng cứ gì thêm để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định số tiền 500.000.000đồng bà H đã trả không nằm trong số tiền bà P khởi kiện đòi bà H, xác định bà H còn nợ tiền gốc là 1.750.000.000đồng, cộng số tiền bà vay 1.500.000.000đồng và tiền lãi khi bà P yêu cầu khởi kiện tổng là 3.385.000.000đồng.

[4.3] Về mức lãi suất:

Bà H cho rằng khi vay tiền thì bà P lấy lãi vay từ 3% đến 4.5% và có thời điểm cho vay lãi theo ngày 1000đồng/ngày/01 triệu nhưng đây chỉ là ý kiến từ phía bà H đưa ra và không có căn cứ gì để chứng minh. Tại bút lục: 24, 36, 37, 51, 52 các bên đều thừa nhận vẫn trả lãi đều theo thỏa thuận, không có ký nhận của các lần trả lãi của giấy vay nào. Nguyên đơn xác định lãi xuất thỏa thuận là 1%/ tháng, từ ngày 17/8/2017 tiền gốc đến ngày xét xử 07/11/2019 là 26 tháng 20 ngày vẫn xác định lãi suất tính 1%/ tháng (3.385.000.000đ x 1% x 26 tháng 20 ngày) là phù hợp với quy định về lãi suất cho vay của Ngân hàng nhà nước, cụ thể văn bản số 1263/NHNo ngày 05/3/2014 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt nam quy định mức lãi suất cho vay là từ 11% - 13% /năm và không vượt quá 20%/năm mà Bộ luật Dân sự quy định. Như vậy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi xuất của nguyên đơn là phù hợp. Kháng cáo của bị đơn cho rằng mức lãi suất là lãi suất cho vay nặng lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn, gửi đến ngày 03/3/2020 và các tài liệu chứng cứ là hợp đồng mua bán nhà, đất của bà Vũ Thanh H kèm theo: Thấy rằng trong thời hạn ngừng phiên tòa bà H đã ký kết Hợp đồng chuyển dịch tài sản là căn nhà trên đất có GCNQSDĐ đất số: Y095873 cấp ngày 28/01/2004, địa chỉ tại tổ 26, đường K, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai cho người nhận chuyển nhượng là ông Mai Xuân H (Hợp đồng số 54 ngày 06/3/2020) có trị giá ghi là 1.000.000.000đ. Bà P đề nghị áp dụng biện pháp đảm bảo phong tỏa tài sản là căn nhà trên đất mà bà H đã ký Hợp đồng chuyển nhượng. Căn cứ Điều 111; 114; 126 Bộ luật Tố tụng dân sự xét thấy đề nghị của bà P là có căn cứ vì hợp đồng mua bán nhà, đất đã có công chứng nhưng chưa được đăng ký vào sổ địa chính nên chưa có hiệu lực theo quy tại Điều 119 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của Tòa án đối với đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng dân sự và nộp chứng từ là Giấy nộp tiền tại Ngân hàng. Vì vậy để giải quyết yêu cầu, tránh gây thiệt hại không thể khắc phục cho các đương sự, Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/3/2020 áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản để đảm bảo thi hành bản án của người có nghĩa vụ.

Tại phiên tòa bà H không đồng ý và khiếu nại đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì cho rằng đã bán cho người khác. Xét thấy khiếu nại của bà H là không có căn cứ vì đất nhà chuyển nhượng chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, đăng ký sổ địa chính cho chủ sở hữu mới. Số tiền bà H còn phải trả cho bà P được xác định là trên 4 tỷ đồng, tài sản bà chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 01 tỷ đồng. Do vậy Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà H theo Quyết định số 45/QĐ-ADBPCKTT ngày 06/3/2020 và buộc bà P thực hiện biện pháp đảm bảo tại Ngân hàng theo Quyết định số 62/2020/QĐ-BPKCTT ngày 04/3/2020 là nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án của người có nghĩa vụ. Đề nghị của bà H về việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với nội dung kháng cáo của bà H và người bảo vệ quyền lợi ích của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng do người nộp tiền tạm ứng án phí là bà Nông Thanh H là Thư ký Tòa án nộp thay nguyên đơn:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Trước khi thụ lý vụ án thì bà Nông Thanh H chưa được phân công là Thư ký của vụ án, bà P có nhờ bà H đi nộp hộ tiền tạm ứng án phí, nội dung biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L ghi rõ tại “*Thu tiền tạm ứng án phí DSST của Nguyễn Thị Lan P...*”. Như vậy bà Nông Thanh H có đi nộp hộ tiền tạm ứng án phí cho bà P, nhưng bà H lúc đó chưa được Chánh án phân công tham gia tố tụng là Thư ký vụ án, việc đi nộp giúp tiền tạm ứng án phí là không đúng nhưng quá trình giải quyết vụ án không có căn cứ chứng minh bà Nông Thanh H làm cho vụ án không vô tư khách quan gây thiệt hại cho các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự không ai yêu cầu thay đổi thư ký phiên tòa quy định tại Điều 16; khoản 14 Điều 70; 240 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nông Thanh H cũng không phải là người đại diện cho nguyên đơn trong vụ án. Do vậy không cần thiết hủy bản án sơ thẩm do lỗi vi phạm này như đề nghị của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, nhưng cần nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thanh H là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà Vũ Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà P tổng số tiền tính đến ngày 07/11/2019 là: 4.287.667.000đồng; trong đó tiền gốc 3.385.000.000 đồng, tiền lãi 902.667.000đồng.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Vũ Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 147; Điều 148 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Giữa nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Tiếp tục duy trì thực hiện Quyết định số 45/QĐ-ADBPCKTT ngày 06/3/2020 về áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản để đảm bảo thi hành bản án của người có nghĩa vụ và buộc thực hiện biện pháp đảm bảo tại Ngân hàng theo Quyết định số 62/2020/QĐ-BPKCTT ngày 04/3/2020 theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Vũ Thanh H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số: AB/2012 0006457/BL ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Xác nhận bà Vũ Thanh H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (20;
- TAND Tp. Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp. Lào Cai;
- Các đương sự;
- Người BV Q&LIHP;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài